TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/DS-ST
Ngày: 21/6/2024.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đức Hòa.
2. Ông Phạm Thành Đô

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2023/TLST – DS ngày 09 tháng 11 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-DS, ngày 07/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số B, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Văn Đ – Phó giám đốc chi nhánh B2 (Xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Thị B, sinh năm 1954. (Đã chết)
Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.
Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:
+ Thị Br. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
+ Điểu Dr. (Vắng mặt)
+ Thị Sr, sinh năm 1992. (Vắng mặt)
+ Điểu Lr, sinh năm 1988. (Vắng mặt)
+ Điểu S, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

+ Điểu U, sinh năm 1998. (Vắng mặt)
Cùng cư trú tại: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.
+ Thị Y, sinh năm 1995. (Xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Đ (B), xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Thị Sr, sinh năm 1992. (Vắng mặt)
+ Điểu Lr, sinh năm 1988. (Vắng mặt)
+ Điểu S, sinh năm 1997. (Vắng mặt)
+ Điểu U, sinh năm 1998. (Vắng mặt)
Cùng cư trú tại: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2023 lời khai trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/11/2017 Ngân hàng N1 chi nhánh huyện B hợp đồng tín dụng số 5606LAV201707054 (Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn) với bà Thị BR là đại diện cho chủ hộ gia đình, trong đó có các con ruột đang cùng sinh sống là Thị S1, Điểu L, Điểu S, U.

Các bên thỏa thuận Ngân hàng cho hộ bà Thị B R vay số tiền 130.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng, trả lãi theo 12 tháng 01 lần; Thỏa thuận lãi suất là 8.6%/năm và được điều chỉnh theo lãi suất biến động của Ngân hàng N2, lãi suất quá hạn là 12.9%. Mục đích vay là để chăm sóc vườn điều xen cà phê gia đình.

Để đảm bảo khoản vay bà Thị BR đưa cho Ngân hàng giữ hộ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 477757 và số BM 477758 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 30/6/2014 mang tên hộ bà Thị B R. Trong đó các con ruột của bà Thị B tại thời điểm sống chung gồm T, Đ, Điểu S, Điểu U cũng thống nhất vay vốn, đối với chị Thị Y là con ruột có liên quan đến tài sản cũng thống nhất để bà Thị B1 R toàn quyền quyết định đến quyền sử dụng đất gửi Ngân hàng giữ hộ, thể hiện qua nội dung hợp đồng ủy quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 17/11/2017 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Minh Hưng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân theo đúng quy định. Tuy nhiên, phía gia đình bà Thị B R không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã thỏa thuận, chậm trả hết nợ gốc và tiền lãi phát sinh, mặc dù đã được đôn đốc nhiều lần. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thị B R và các con trong hộ gia đình phải trả số tiền gốc là 130.000.000đ, số tiền lãi tạm tính đến thời điểm làm đơn gồm 24.285.353đ lãi trong hạn, 12.934.350đ lãi quá hạn, yêu cầu chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong. Không yêu cầu xử lý tài sản đã là sổ đất đã giữ hộ.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn xin vắng mặt nhưng qua nội dung đơn xin vắng mặt trình bày: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc trả số tiền gốc và lãi theo bản chiết tính ngày 21/6/2024 tổng cộng là 175.426.725đ, tiếp tục chịu

lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đưa cho Ngân hàng cầm giữ thì hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án, qua tài liệu xác minh với chính quyền địa phương nơi cư trú và thu thập lời khai trực tiếp của những người thân thích của bị đơn bà Thị B1 R thể hiện bà Thị B R đã chết ngày 16/4/2019 và có những người thân thích gồm chồng là ông Điểu H (đã chết) và các con ruột Thị BR, Điểu Da R, Thị S1, Điểu L, Điểu S, Điểu U, T. Tòa án đã ban hành thông báo xác định tư cách tố tụng và tống đạt các thủ tục theo quy định. Tuy nhiên, ngoài chị Thị Y thì những người còn lại không tham gia làm việc, không gửi ý kiến cho Tòa án, không tham gia phiên tòa sơ thẩm.***

**** Chị** Thị Y **trình bày***: Chị là con ruột của bà Thị B R và ông Điểu H, cha mẹ chị có các con ruột nêu trên là đúng. Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bà Thị B R như thế nào chị không biết và không được sử dụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc trả số tiền gốc còn lại và lãi suất phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tư cách tố tụng: Căn cứ Giấy trích lục khai tử số 26/TLKT, ngày 13/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã T thể hiện bị đơn bà Thị B R đã chết ngày 16/4/2019. Căn cứ biên bản xác minh giữa Tòa án nhân dân huyện B với ban quản lý thôn nơi bà Thị B1 R sinh sống, Công an xã T và lời khai chị Thị Y là con ruột bà BR thể hiện bà Thị B R có chồng là ông Điểu H (đã chết) và các con ruột Thị Br, Điểu Dr, Thị S1, Điểu L, Điểu S, U, T. Ngoài ra không còn người thân thích nào khác thuộc diện hàng thừa kế thứ nhất theo quy định pháp luật. Vì vậy, xác định các con ruột nêu trên tham gia với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng cho bị đơn Thị B R.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu trả số tiền gốc 130.000.000đ:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thể hiện bị đơn trực tiếp vay của nguyên đơn số tiền 130.000.000đ, theo Sổ vay vốn số và phương án sử dụng vốn số 55606LAV201707054 ngày 20/11/2017, trong đó thời hạn cuối cùng là ngày 20/11/2018. Mục đích vay là để dùng chăm sóc cây trồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng giữa hai bên: Bị đơn đã được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên hết thời hạn theo hợp đồng tín dụng vẫn không thanh toán được khoản tiền gốc nào. Sau đó bị đơn chết vào ngày 16/4/2019.

Căn cứ hợp đồng ủy quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên ủy quyền là Thị S1, Điểu L, Điểu S, U, Thị Y với bên nhận ủy quyền là bà Thị B1 R ngày 17/11/2017 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Minh Hưng thể hiện đều biết mục đích ủy quyền là để bà Thị B1 R dùng quyền sử dụng đất của gia đình vay thế chấp Ngân hàng. Ngoài ra căn cứ danh sách các thành viên trong sổ vay vốn thể hiện có các thành viên trong gia đình gồm Thị S1, Điểu L, Điểu S, U chung sống với bà Thị B R, nguồn tiền vay được dùng để đầu tư chăm sóc cây trồng phát triển kinh tế gia đình nên xác định là nợ chung của hộ gia đình bà Thị B R. Cần buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có nghĩa vụ liên đới có nghĩa vụ liên đới thanh toán theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bị đơn, đồng thời tham gia tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết nhưng ngoài chị Thị Y thì không ai cho ý kiến, không tham gia phiên tòa sơ thẩm nên coi như tự từ bỏ quyền chứng minh đối với nguyên đơn.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi suất:

Căn cứ Điều 6 Sổ vay vốn số và phương án sử dụng vốn số 5606LAV202006408 ngày 04/9/2020 thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, lãi chậm trả lãi, phí.

Căn cứ bản chiết tính của phía nguyên đơn ngày 21/6/2024 thể hiện tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì lãi suất phát sinh đối với hợp đồng tín dụng nêu trên gồm, lãi suất trong hạn và quá hạn là 41.806.745đ, lãi chậm trả 3.619.000đ. Xét thấy lãi suất phù hợp với quy định pháp luật của Luật tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự nên cần buộc bị đơn trả, đồng thời cần buộc bị đơn tiếp tục chịu lãi suất quá hạn đối với số tiền gốc chưa thanh toán sau ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và lãi cần buộc bị đơn thanh toán là 175.426.725đ, làm tròn là 175.426.000đ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi và đã chết thuộc trường hợp không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Thị B R và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan T, Điểu L, Điểu S, U có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N1 tổng số tiền vay gốc theo Sổ vay vốn số 5606LAV20177054 ngày 20/11/2017 và lãi suất tính đến ngày 21/6/2024 là 175.426.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày 22/6/2024 bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Sổ vay vốn số 5606LAV20177054 ngày 20/11/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. (*Trong phạm vi tài sản của bị đơn bà Thị B R và các tài sản đã ủy quyền cho bà Thị B1 R để vay vốn Ngân hàng N1*)

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí là 4.180.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001347 ngày 09/11/2023.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình